

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2020

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2414/VP-THNV ngày 06/11/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC). Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú báo cáo kết quả kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn huyện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KIỂM SOÁT TTHC

Thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC, kiểm soát TTHC. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các văn bản quy định về kiểm soát TTHC; kịp thời ban hành các văn bản để triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

Ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn huyện.

Ban hành Công văn số 133/UBND-NC ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc nhắc nhở, niêm yết thủ tục hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT TTHC

1. Về công bố, công khai TTHC

Thực hiện công tác công khai, niêm yết bộ TTHC và thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của huyện bằng hình thức công khai quy trình, thủ tục thời gian giải quyết, thu phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện và các xã, thị trấn.

1.1. Bộ TTHC cấp huyện:

Tổng số 32 lĩnh vực với 261 thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện (không bao gồm lĩnh vực đất đai) được niêm yết đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện và trên Trang thông tin điện tử huyện.

Trong đó:

TTHC mức độ 2: 39 thủ tục, đạt 14.94%

TTHC mức độ 3: 121 thủ tục, đạt 46.36%

TTHC mức độ 4: 101 thủ tục, đạt 38.70%

TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa: 256 thủ tục

TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông: 28 thủ tục

TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích: 35 thủ tục (thuộc lĩnh vực đất đai)

1.2. Bộ TTHC cấp xã

Tổng số 24 lĩnh vực với 165 thủ tục được niêm yết đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và thường xuyên khi có thay đổi.

Bộ TTHC được niêm yết trên Trang thông tin điện tử huyện tại địa chỉ tracu.travinh.gov.vn (Chuyên mục: Bộ thủ tục hành chính) để tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham khảo.

2. Tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị về TTHC

Tiến hành công khai thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC; quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định trên Trang thông tin điện tử của huyện. Trong năm, không có tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ người dân và doanh nghiệp.

3. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Kết quả giải quyết TTHC trong năm 2020 theo Biểu số II.06b/VPCP/KSTT, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Chính phủ (đính kèm).

4. Kết quả thực hiện mô hình “4 tại chỗ” tại địa phương

Đính kèm Biểu số II.07b/VPCP/KSTT, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Chính phủ.

5. Kết quả thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (trực tuyến) tại địa phương

Đính kèm Biểu số II.08/VPCP/KSTT, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Chính phủ.

6. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC thông qua các cuộc họp giao ban, hội nghị tổng kết lồng ghép đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát TTHC, cải cách hành chính và triển khai nhiệm vụ trong thời gian tới.

5. Về nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Kết hợp công tác kiểm soát TTHC với việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đang áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trên địa bàn huyện.

6. Tình hình, kết quả thực hiện các phương án đơn giản hóa TTHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả rà soát của Đề án Đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước

Ngày 19/3/2019, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Công văn số 205/UBND-VP về việc cắt giảm thời gian thực hiện TTHC. Qua đó phòng, ban ngành chuyên môn đã tiến hành cắt giảm thời gian giải quyết TTHC tại đơn vị kết quả đạt được như sau:

6.1. Thủ tục hành chính được cắt giảm thời gian giải quyết cấp huyện

Tổng số 32 lĩnh vực, 261 TTHC (*không bao gồm lĩnh vực đất đai*), tổng số thủ tục hành chính được rà soát cắt giảm thời gian giải quyết TTHC là 04 lĩnh vực với 11 thủ tục được cắt giảm). Bao gồm các lĩnh vực sau:

Lĩnh vực tư pháp: 03 thủ tục.

Lĩnh vực tài chính: 04 thủ tục.

Lĩnh vực lao động: 01 thủ tục.

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 03 thủ tục.

6.2. Thủ tục hành chính cấp xã

Đối với Bộ TTHC cấp xã có 07 lĩnh vực với 24 thủ tục được cắt giảm. Bao gồm các lĩnh vực sau:

Lĩnh vực bảo trợ xã hội: 03 thủ tục.

Lĩnh vực việc làm: 01 thủ tục.

Lĩnh vực hộ tịch: 02 thủ tục.

Lĩnh vực chứng thực: 11 thủ tục.

Lĩnh vực hành chính tư pháp: 05 thủ tục.

Lĩnh vực văn hóa: 05 thủ tục.

Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý đơn, tiếp công dân; phòng chống tham nhũng: 02 thủ tục.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác kiểm soát TTHC đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý hành chính Nhà nước tại huyện, chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày được nâng cao thông qua thực hiện và duy trì cơ chế một cửa, một cửa liên thông với các TTHC được cải cách theo hướng tinh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo 03 giảm: giảm thủ tục, giảm thời gian và giảm chi phí, đồng thời kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức đã tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các cá nhân, tổ chức đến liên hệ làm việc, đem đến sự hài lòng cho người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh cũng như công tác phối hợp giữa các phòng, ban ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn về công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC trên địa bàn huyện; ý thức trách nhiệm và sự nỗ lực phấn đấu của từng cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính, cán bộ đầu mối thực hiện kiểm soát TTHC.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, cán bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC thường xuyên quan tâm đến công tác kiểm soát TTHC, thực hiện việc công bố TTHC kịp thời, đồng thời thường xuyên rà soát, đơn giản hóa TTHC, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2021

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông nhằm rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC; Tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng cho công chức làm công tác kiểm soát TTHC và cán bộ đầu mối. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kiểm soát TTHC theo quy định.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông sớm triển khai phần mềm một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Rà soát thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đạt từ 60% tổng số thủ tục hành chính cấp huyện, xã, thị trấn.

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về công tác kiểm soát TTHC để công chức đầu mối thực hiện tốt hơn công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND huyện;
- Các phòng, ban ngành trực thuộc;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP; NC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nhan RaNi

Biểu mẫu số II.06b/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư

số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN**

Kỳ báo cáo: Năm 2020

(Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/12/2020)

Tên đơn vị báo cáo:

UBND HUYỆN TRÀ CÚ

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn Phòng UBND tỉnh

(Phòng Kiểm soát TTHC)

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong đó		Từ kỳ trước	Số hồ sơ đã giải quyết				Tổng số	Đã giải quyết	
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính		Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn		Trong hạn	Quá hạn
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13	12	13
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	9.912	0	9.859	53	9.847	3.053	6.794	0	65	65	0
1	Lĩnh vực tư pháp	1.858	0	1.858	0	1.858	813	1.045	0	0	0	0
2	Lĩnh vực kinh tế và hạ tầng	106	0	97	09	104	31	73	0	02	02	0
3	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	301	0	294	07	297	25	272	0	04	04	0
4	Lĩnh vực tài chính – kế hoạch	345	0	345	0	345	124	221	0	0	0	0
5	Lĩnh vực lao động- thương binh và xã hội	1.855	0	1.832	23	1.844	356	1.488	0	11	11	0
6	Lĩnh vực văn hóa và thông tin	177	0	177	0	177	23	154	0	0	0	0
7	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	3.565	0	3.565	0	3.528	1.249	2.279	0	37	37	0
8	Lĩnh vực nội vụ	1.705	0	1.691	14	1.694	432	1.262	0	11	11	0
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	109.480	0	109.438	42	109.423	52.695	56.728	0	57	57	0
1	Lĩnh vực hành chính – tư pháp	102.692	0	102.692	0	102.692	50.519	52.173	0	0	0	0

2	Lĩnh vực đất đai	1.297	0	1.266	31	1.249	223	1.026	0	48	48	0
3	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại – tố cáo	194	0	185	09	185	23	162	0	09	09	0
4	Lĩnh vực người có công	240	0	238	02	240	42	198	0	0	0	0
5	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	1.177	0	1.177	0	1.177	282	895	0	0	0	0
6	Lĩnh vực việc làm	3.156	0	3.156	0	3.156	1.371	1.785	0	0	0	0
7	Lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em	214	0	214	0	214	91	123	0	0	0	0
8	Lĩnh vực thi đua – khen thưởng	241	0	241	0	241	83	158	0	0	0	0
9	Lĩnh vực hòa giải cơ sở	193	0	193	0	193	29	164	0	0	0	0
10	Lĩnh vực văn hóa và thông tin	59	0	59	0	59	15	44	0	0	0	0
11	Lĩnh vực công nhận, thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	15	0	15	0	15	15	0	0	0	0	0
12	Lĩnh vực hỗ trợ do đại dịch COVID - 19	02	0	02	0	02	02	0	0	0	0	0

Biểu số IL.07b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư
số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN "4 TẠI CHỖ" TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA
CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2020
(Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/12/2020)

Tên đơn vị báo cáo:
UBND HUYỆN TRÀ CÚ
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn Phòng UBND tỉnh
(Phòng Kiểm soát TTHC)
Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương			TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT			Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành		
		Tổng số TTHC	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp huyện	Cấp xã
1	Lĩnh vực thanh tra	10	10	0	10	10	0	10	10	0
2	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	45	27	18	45	27	18	45	27	18
3	Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội	9	4	5	9	4	5	9	4	5
4	Lĩnh vực lao động tiền lương	2	1	1	2	1	1	2	1	1
5	Lĩnh vực người có công	62	31	31	62	31	31	62	31	31
6	Lĩnh vực chăm sóc bảo vệ trẻ em	2	1	1	2	1	1	2	1	1
7	Lĩnh vực bồi thường Nhà nước	3	2	1	3	2	1	3	2	1
8	Lĩnh vực hộ tịch	41	15	26	41	15	26	41	15	26
9	Lĩnh vực trợ giúp pháp lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật	1	1	0	1	1	0	1	1	0
11	Lĩnh vực chứng thực	23	12	11	23	12	11	23	12	11
12	Lĩnh vực hoà giải cơ sở	4	0	4	4	0	4	4	0	4
13	Lĩnh vực tôn giáo	18	8	10	18	8	10	18	8	10
14	Lĩnh vực thi đua - khen thưởng	13	8	5	13	8	5	13	8	5

15	Lĩnh vực tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ	1	1	0	1	1	0	1	1	0
16	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	9	9	0	9	9	0	9	9	0
17	Lĩnh vực kinh doanh khí	3	3	0	3	3	0	3	3	0
18	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	1	1	0	1	1	0	1	1	0
19	Lĩnh vực xây dựng	12	12	0	12	12	0	12	12	0
20	Lĩnh vực tài chính	3	3	0	3	3	0	3	3	0
21	Lĩnh vực thành lập và phát triển doanh nghiệp	5	5	0	5	5	0	5	5	0
22	Lĩnh vực hợp tác xã	16	16	0	16	16	0	16	16	0
23	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	47	42	5	47	42	5	47	42	5
24	Lĩnh vực thông tin	2	2	0	2	2	0	2	2	0
25	Lĩnh vực văn hóa	13	7	5	13	7	5	13	7	5
26	Lĩnh vực gia đình	6	6	0	6	6	0	6	6	0
27	Lĩnh vực lễ hội	2	2	0	2	2	0	2	2	0
28	Lĩnh vực thư viện	3	3	0	3	3	0	3	3	0
29	Lĩnh vực đất đai	7	5	2	7	5	2	7	5	2
30	Lĩnh vực môi trường	1	1	0	1	1	0	1	1	0
31	Lĩnh vực thủy lợi, thủy sản	8	8	0	8	8	0	8	8	0
32	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	11	7	4	11	7	4	11	7	4
33	Lĩnh vực lâm nghiệp	3	3	0	3	3	0	3	3	0
34	Lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm	1	1	0	1	1	0	1	1	0
35	Lĩnh vực hành chính tư pháp	5	0	5	5	0	5	5	0	5
36	Lĩnh vực nhà ở công sở	2	0	2	2	0	2	2	0	2
37	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý đơn	9	0	9	9	0	9	9	0	9

38	Lĩnh vực trồng trọt	1	0	1	1	0	1	1	0	1
39	Lĩnh vực thủy sản, thủy lợi, bảo vệ thực vật, KTHT và PTNT	4	0	4	4	0	4	4	0	4
40	Lĩnh vực động viên Quân đội	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Lĩnh vực bảo hiểm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Lĩnh vực dân quân tự vệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lĩnh vực quân sự	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Lĩnh vực Y tế	0	0	1	0	0	1	0	0	1
45	Lĩnh vực phòng chống thiên tai	3	0	3	3	0	3	3	0	3
Tổng cộng		410	256	154	410	256	154	410	256	154

Biểu số II.08/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư
số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2020
(Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/12/2020)

Tên đơn vị báo cáo:
UBND HUYỆN TRÀ CÚ
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn Phòng UBND tỉnh
(Phòng Kiểm soát TTHC)
Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA (Cấp huyện)

STT	Lĩnh vực	DVCTT MỨC ĐỘ 3			DVCTT MỨC ĐỘ 4			Tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia (có =1; không = 0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
1	Lĩnh vực thanh tra	0	7	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	4	4	0	23	23	0	0
3	Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội	1	1	0	3	3	0	0
4	Lĩnh vực lao động tiền lương	0	0	0	1	1	0	0
5	Lĩnh vực người có công	3	3	0	15	15	0	0
6	Lĩnh vực chăm sóc bảo vệ trẻ em	1	1	0	0	0	0	0
7	Lĩnh vực bồi thường Nhà nước	0	0	0	0	0	0	0
8	Lĩnh vực hộ tịch	10	10	09	6	6	0	0
9	Lĩnh vực trợ giúp pháp lý	0	0	0	0	0	0	0
10	Lĩnh vực báo cáo viên pháp luật	0	0	0	0	0	0	0
11	Lĩnh vực chứng thực	0	0	0	6	6	0	0
12	Lĩnh vực hoà giải cơ sở	0	0	0	1	1	0	0
13	Lĩnh vực tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0

14	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	0	0	0	7	8	0	0
15	Lĩnh vực tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ	0	1	0	1	0	0	0
16	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	6	6	0	3	3	0	0
17	Lĩnh vực kinh doanh khí	3	3	0	0	0	0	0
18	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	1	1	0	0	0	0	0
19	Lĩnh vực xây dựng	6	6		1	1	0	0
20	Lĩnh vực tài chính	1	1	0	6	6	0	0
21	Lĩnh vực thành lập và Phát triển doanh nghiệp	1	1	0	3	3	0	0
22	Lĩnh vực hợp tác xã	12	12	0	4	4	0	0
23	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	26	26	0	4	4	0	0
24	Lĩnh vực thông tin	0	0	0	2	2	0	0
25	Lĩnh vực văn hóa	0	0	0	8	8	0	0
26	Lĩnh vực gia đình	0	0	0	6	6	0	0
27	Lĩnh vực lễ hội	0	0	0	2	2	0	0
28	Lĩnh vực đất đai	9	9		0	0	0	0
29	Lĩnh vực môi trường	0	0	0	0	1	0	0
30	Lĩnh vực thủy lợi, thủy sản	4	4	0	0	0	0	0
31	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	2	0	0	0	0	0
32	Lĩnh vực y tế	0	0	0	1	1	0	0
Tổng cộng		90	98	0	103	104	0	0